TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2020/HS-ST
Ngày 28-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan
Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Xuân Lang
2. Ông Trần Huỳnh
3. Ông Hà Đức Kiền

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 134/2020/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2289/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N; giới tính: nam; sinh ngày 05 tháng 5 năm 1980 tại Đồng Nai; thường trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: số A2 tổ D, KP E, phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: NVT (chết) và bà: TTD1; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006) tiền sự: không; tiền án: không;

Nhân thân:

- Ngày 24 tháng 9 năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về "Tội Trộm cắp tài sản" (Bản án hình sự sơ thẩm số 121/HSST – BL 90-91); ngày 29/4/2005, chấp hành xong hình phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 432/GCN của Giám thị Trại tạm giam Bố Lá – BL 80); đã nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 2696 ngày 19/7/2005 của Thi hành án dân sự huyện Củ Chi (Công văn số 194/CCTHADS ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi – BL 89);

- Ngày 19 tháng 3 năm 2013, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về "Tội Làm môi giới hối lộ" (Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2013/HSST – BL 94-98); bị cáo có kháng cáo; ngày 05 tháng 7 năm 2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án hình sự phúc thẩm số

421/2013/HSPT – BL 99-102); ngày 31/8/2015, chấp hành xong hình phạt tù (Giấy chứng nhận đặc xá số 1506/GCNĐX của Giám thị Trại giam Xuân Lộc – BL 81); đã thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm theo biên lai số 9788 ngày 15/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 32/GXN-CCTHA ngày 07/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức – BL 92);

Bị bắt, tạm giam ngày: 18/9/2019 (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Trịnh Bá Thân - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trịnh Bá Thân, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn N (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông PTT1, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Trú tại: số A1 đường TĐX, phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

■ Diễn biến sự việc:

Vào lúc 14 giờ 00 ngày 18/9/2019, tại trước nhà số số A2 đường NO, phường B3, quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Nguyễn Văn N (đang điều khiển xe máy hiệu Honda SH biển số 59T2-298.YY) có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên mời về trụ sở Công an Phường 17, quận Gò Vấp kiểm tra, phát hiện bị cáo đang cất giấu 02 gói nylon bên trong có chứa tinh thể dạng rắn, không màu (qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine) trong túi quần phía sau bên trái mà bị cáo đang mặc.

Đến 18 giờ 00 cùng ngày 18/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Nguyễn Văn N (tại phòng số 3 dãy trọ ở địa chỉ số A2 tổ D, KP E, phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng không phát hiện và thu giữ gì.

■ Tại Kết luận giám định số 1787/KLGĐ-H ngày 25/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 18) thể hiện: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định *(Tinh thể không màu trong 02 gói nylon (để trong 01 bọc nylon màu đen) được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn N và hình dấu Công an Phường 17, quận Gò Vấp)* là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 199,6700 gam, loại Methamphetamine.

■ Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận:

Ban đầu bị cáo N khai nhận bản thân nghiện ma túy nên đã mua ma túy của đối tượng tên T1 (không rõ lai lịch) 05 lần ở khu vực công nghiệp Sóng Thần thuộc tỉnh Bình Dương, cụ thể: 03 lần trước, bị cáo N mua mỗi lần 01 gói ma túy giá 300.000 đồng để sử dụng; lần thứ 04 vào ngày 10/9/2019, bị cáo mua 05

gam ma túy đá giá 1.500.000 đồng, bán cho đối tượng L (không rõ lai lịch) giá 2.200.000 đồng, thu lợi bất chính 700.000 đồng tiêu xài hết; lần thứ 05 vào khoảng 08 giờ 00 ngày 18/9/2019, đối tượng L cho bị cáo hỏi mua 200 gam ma túy, bị cáo gọi cho đối tượng T1 được báo giá 60.000.000 đồng, Nhiên báo lại L giá 64.000.000 đồng, L đồng ý mua. Bị cáo N đến địa chỉ cũ gặp đối tượng T1 nhận ma túy và trả tiền, bỏ vào túi quần phía sau bên trái rồi đem đi bán cho L. Khi đến trước nhà số số A2 đường NO, phường B3, quận C3 thì bị bắt quả tang như đã nêu.

Quá trình điều tra bị cáo N thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận mua ma túy của đối tượng T1 03 lần, lần thứ 04 thì bị bắt quả tang, số ma túy này bị cáo cất giấu để sử dụng, không thừa nhận lần mua bán ma túy vào ngày 10/9/2019.

Tuy nhiên, bị cáo N thừa nhận tất cả các lời khai từ khi bị bắt, kể cả lời khai được ghi hình có âm thanh tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh là tự nguyện, không bị xúi giục, dụ dỗ hay bị dùng nhục hình.

Tại bản Cáo trạng số 109/CTr-VKS-P1 ngày 11/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Văn N về "Tội Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận đã mua số ma túy có khối lượng 199,6700 gam, loại Methamphetamine nhưng với mục đích để sử dụng dần, không nhằm mục đích mua bán trái phép chất ma túy nên đề nghị xem xét phần tội danh bị truy tố.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Nguyễn Văn N 20 năm tù, buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, Kiểm sát viên cũng đề nghị xử lý phần tang vật theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo không thống nhất tội danh mà bản Cáo trạng truy tố. Luật sư cho rằng suốt quá trình tố tụng, bị cáo vẫn thừa nhận số lượng ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang là của bị cáo, vẫn thừa nhận lời khai khi bắt quả tang và khi được ghi âm lại nhưng do hoảng loạn nên mới khai là có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo N không quanh co, không chối tội mà chỉ không thừa nhận mua số lượng ma túy nêu trên với mục đích bán lại thu lợi. Từ đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng hình phạt đối với bị cáo về "Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư, Kiểm sát viên cho rằng Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra các điện thoại di động được thu giữ khi bắt quả tang bị cáo. Kết quả cho thấy bị cáo có nhiều cuộc gọi đi và đến nhưng bị cáo chỉ rõ đối tượng T1, L là các đối tượng có giao dịch mua bán ma túy với bị cáo; thời gian các cuộc gọi đi và đến phù hợp với lời khai ban đầu về việc có hoạt động mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo. Bên cạnh đó, lời khai về

việc mua bán trái phép chất ma túy này thể hiện xuyên suốt từ ngày 18/9/2019 đến ngày 02/10/2019, bị cáo có đủ thời gian để trấn tĩnh nên không thể nói do hoảng loạn mới thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư về việc thay đổi tội danh đối với bị cáo.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn N cho biết đã nhận thức hành vi của bản thân là sai nên xin Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt khoan hồng cho bị cáo sớm trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình điều tra vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện lời khai ban đầu của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được, bản kết luận giám định… Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nội dung vụ án như bản Cáo trạng ghi nhận, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi mua đi bán lại trái phép chất ma túy, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 199,6700 gam, loại Methamphetamine từ đối tượng tên T1 và bán cho đối tượng tên L nhằm hưởng lợi và bị bắt quả tang cùng tang vật là ma túy.

Bị cáo Nguyễn Văn N nhận thức được ma túy là chất gây nghiện độc hại, các hoạt động liên quan đến ma túy chịu sự quản lý và kiểm soát nghiêm ngặt của Nhà nước theo các quy định pháp luật, nhận thức được việc sử dụng chất ma túy không chỉ gây thiệt hại về vật chất cho gia đình, xã hội mà còn hủy hoại sức khỏe của bản thân, có thể dẫn đến việc lây nhiễm các căn bệnh hiểm nghèo, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác nhưng do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, xâm phạm đến hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

Từ các lập luận trên, đối chiếu các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn N phạm "Tội Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn N có sự thay đổi lời khai nhưng như nội dung bản Cáo trạng đã nhận định, quan điểm đối đáp của Kiểm sát viên đã nêu rõ và tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận tất cả các lời khai từ khi bị bắt, kể cả lời khai được ghi hình có âm thanh tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh là tự nguyện, không bị xúi giục, dụ dỗ hay bị dùng nhục hình; lời khai ban đầu phù hợp với các chứng cứ khác (biên bản bắt người phạm tội quả tang; các biên bản kiểm tra điện thoại; biên bản niêm phong tài liệu, đồ vật bị thu giữ; bản kết luận giám định...) được thu thập hợp pháp theo Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự với lượng ma túy thu giữ khi bị bắt quả tang là 199,6700 gam, loại Methamphetamine; thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra ban đầu và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thái độ khai báo tương đối thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyên tắc có lợi cho bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để buộc bị cáo nộp phạt một khoản tiền sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[3] Đối với đối tượng tên T1, L: Do bị cáo N khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, xác minh làm rõ để xử lý.

[4] Vật chứng của vụ án (thu giữ từ Nguyễn Văn N khi bắt người phạm tội quả tang):

■ Đối với số ma túy chứa trong 01 hộp giấy niêm phong: Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

■ Đối với 03 cái điện thoại di động (thu giữ khi bắt quả tang bị cáo): Do đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59T2-298.YY, số khung: ZDCJF23B0BF103033, số máy: JF14E1047850KTFE1:

Tại Kết luận giám định số 7413/KLGĐ-X (Đ 6) ngày 22/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 20) thể hiện chiếc xe trên có "số khung, số máy: không thay đổi".

Qua xác minh, chiếc xe trên do ông PTT1 (chủ cửa hàng kinh doanh xe gắn máy PT) đứng tên đăng ký chủ sở hữu, ông T1 khai đã bán xe này cho 01 người đàn ông (không rõ lai lịch), không làm thủ tục sang tên. Bị cáo N khai mượn xe này của 01 người đàn ông tên S (không rõ lai lịch). Cơ quan cảnh sát điều tra đã đăng thông tin tìm người quản lý hợp pháp trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay chưa có ai liên hệ giải quyết (Công văn số 2204/CV-PC04 (Đ 5) ngày 28/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh gửi Ban biên tập báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh – BL 66).

Hội đồng xét xử giao cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm người quản lý hợp pháp đối với chiếc xe trên. Sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là người quản lý hợp pháp thì tịch thu chiếc xe trên sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Đối với số tiền 1.050.000 đồng: Bị cáo N khai đây là tiền cá nhân, không liên quan hoạt động mua bán ma túy. Hội đồng xét xử giao trả cho bị cáo N số tiền trên nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[5] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận một phần quan điểm bào chữa của Luật sư về việc xem xét bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo khi thừa nhận số lượng ma túy bị thu giữ trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đề nghị xem xét tội danh không có căn cứ nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 228 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

■ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm "Tội Mua bán trái phép chất ma túy";

Xử phạt: Nguyễn Văn N: 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2019.

Buộc bị cáo Nguy□n V□n N nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) hộp giấy niêm phong bên ngoài ghi vụ 1787/19 PC04 có chữ ký của giám định viên VAT2 (PC09) và Cán bộ điều tra NTS1 (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định; mã số: NP/248BB/2020;

■ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, có Imei 1: 353660063702140 bên trong chứa 02 sim card có số thuê bao 0976490378 và 0981733966 (không kiểm tra được số thuê bao do không có nguồn điện); mã số: DT1/248BB/2020;

- 01 (một) cái điện thoại di động, màu đen, Imei 1: 357286080450665 bên trong chứa 01 sim card có số thuê bao 0933215535 (không kiểm tra được số thuê bao do không có nguồn điện); mã số: DT2/248BB/2020;

- 01 (một) cái điện thoại Iphone, màu vàng, bên trong chứa 01 sim card có số thuê bao 0983003131 (không kiểm tra được số thuê bao do không có nguồn điện, không có imei ở khay sim); mã số: DT3/248BB/2020;

■ Giao cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm người quản lý hợp pháp đối với 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; số loại: SH; biển số: 59T2-298.YY; số khung: ZDCJF23B0BF103033; số máy: JF14E1047850KTFE1; không gương, xe cũ rỉ sét máy móc bên trong không kiểm tra; mã số: XMAY/248BB/2020;

Sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được ai là người quản lý hợp pháp thì tịch thu chiếc xe trên sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Giao trả cho bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

(Tang vật vụ án theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2020/248 ngày 11/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, tiền theo Giấy nộp tiền ngày 09/01/2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – BL 161, 29)

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- Người có QLNVLQ; (2)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kim Loan